

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định giá tối đa đối với dịch vụ thu gom,
vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3740/TTr-SXD ngày 24 tháng 12 năm 2020; Tờ trình số 1244/TTr-SXD ngày 28 tháng 4 năm 2020; Tờ trình số 1336/TTr-SXD ngày 08 tháng 5 năm 2020; Tờ trình số 1426/TTr-SXD ngày 14 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 5 năm 2020 và thay thế Quyết định số 65/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 25/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 65/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT; VP Đoàn ĐBQH HĐND và UBND tỉnh.

10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng

QUY ĐỊNH

**Giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2020/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh Tây Ninh)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này Quy định giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cá nhân, hộ gia đình, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ được cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

b) Cơ quan quản lý nhà nước và các cá nhân, tổ chức, đơn vị có liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

3. Đối tượng không áp dụng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Điều 2. Mức giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt

1. Giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đối với nhóm 1 (thành phố Tây Ninh, thị xã Trảng Bàng, thị xã Hòa Thành và huyện Gò Dầu) là 513.000 đồng/tấn, bao gồm:

a) Giá tối đa đối với dịch vụ thu gom tại nguồn là 389.665 đồng/tấn, tương đương 390 đồng/kg;

b) Giá tối đa đối với dịch vụ vận chuyển rác thải sinh hoạt là 123.363 đồng/tấn, tương đương 123 đồng/kg.

2. Giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đối với nhóm 2 (các huyện: Bến Cầu, Dương Minh Châu, Tân Châu, Tân Biên, Châu Thành) là 467.000 đồng/tấn, bao gồm:

a) Giá tối đa đối với dịch vụ thu gom tại nguồn là 346.369 đồng/tấn, tương đương 346 đồng/kg;

b) Giá tối đa đối với dịch vụ vận chuyển rác thải sinh hoạt là 120.903 đồng/tấn, tương đương 121 đồng/kg.

3. Mức giá tối đa tại khoản 1, 2 Điều này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Điều 3. Lộ trình thực hiện

1. Bảng giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt

Stt	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Mức giá tối đa	
			Nhóm 1	Nhóm 2
1	Hộ gia đình	đồng/tháng	45.500	41.500
2	Hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp			
2.1	Cơ sở dịch vụ kinh doanh, công ty kinh doanh dịch vụ, văn phòng đại diện công ty, cơ quan, phòng khám tư nhân của cá nhân	đồng/tháng	277.000	252.000
2.2	Trường học	đồng/tán	513.000	467.000
2.3	Đối với phòng trọ, nhà nghỉ dưới 10 phòng	đồng/tháng	277.000	252.000
	* Từ phòng thứ 10 trở đi cộng thêm 25.000 đồng/phòng đối với nhóm 1, 20.000 đồng/phòng đối với nhóm 2			
3	Bến xe, nhà hàng, khách sạn	đồng/tán	513.000	467.000
4	Công ty, nhà máy sản xuất	đồng/tán	513.000	467.000
5	Bệnh viện, trung tâm y tế, phòng khám đa khoa, trạm y tế và các phòng khám tư nhân của tổ chức	đồng/tán	513.000	467.000
6	Chợ, trung tâm thương mại, siêu thị	đồng/tán	513.000	467.000
7	Trại giam	đồng/tán	513.000	467.000

2. Đối với các đối tượng thu không có tên trong Bảng giá tối đa nêu tại khoản 1 Điều này hoặc chủ nguồn thải và chủ thu gom có thỏa thuận lại về đơn vị tính thì chủ thu gom ký hợp đồng dịch vụ với mức giá không quá 513.000 đồng/tán với chủ nguồn thải; đồng thời báo cáo về Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) nơi thực hiện để tổng hợp báo cáo về Sở Xây dựng và Sở Tài chính.

3. Tổng số tiền thu trên tổng số tiền chi cho dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo theo lộ trình sau:

- a) Năm 2020: Tổng số tiền thu phải đạt $\geq 80\%$ tổng số tiền chi;
- b) Năm 2021: Tổng số tiền thu phải đạt $\geq 85\%$ tổng số tiền chi;
- c) Năm 2022: Tổng số tiền thu phải đạt $\geq 90\%$ tổng số tiền chi;
- d) Năm 2023: Tổng số tiền thu phải đạt $\geq 95\%$ tổng số tiền chi;
- đ) Năm 2024: Tổng số tiền thu phải đạt $\geq 100\%$ tổng số tiền chi.

Điều 4. Đối tượng nộp và thu tiền dịch vụ

1. Đối tượng nộp tiền dịch vụ: Cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ, hộ gia đình, cá nhân phát sinh rác thải sinh hoạt.

2. Đối tượng thu tiền dịch vụ

- a) Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu là Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- b) Ủy ban nhân dân cấp huyện được phép ủy quyền cho các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc hoặc Ủy ban nhân dân các xã, phường,

thị trấn hoặc các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được phép hoạt động kinh doanh thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trực tiếp thu tiền dịch vụ.

Điều 5. Quản lý và sử dụng nguồn thu

1. Đối với đơn vị thu là đơn vị sự nghiệp nhà nước có chức năng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt thì việc quản lý, sử dụng tiền thu từ dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt thực hiện theo quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, số tiền thu được để lại toàn bộ và bổ sung vào nguồn kinh phí hoạt động hàng năm của đơn vị sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước theo các quy định hiện hành.

2. Đối với đơn vị thu còn lại phải mở sổ sách kế toán theo dõi, phản ánh việc thu, nộp, quản lý, sử dụng nguồn thu và nộp thuế theo quy định hiện hành, số tiền thu được tính là doanh thu của đơn vị (đối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được phép hoạt động kinh doanh thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt).

3. Đơn vị thu tiền dịch vụ phải sử dụng biên lai hoặc hóa đơn cung cấp cho đối tượng nộp tiền dịch vụ theo quy định.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định chi phí thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt cho phù hợp tình hình thực tế trên địa bàn;

b) Tổ chức phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật có liên quan trong việc thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt;

c) Tổ chức điều chỉnh giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt nếu có sự thay đổi lớn trong cấu phần của đơn giá chi tiết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

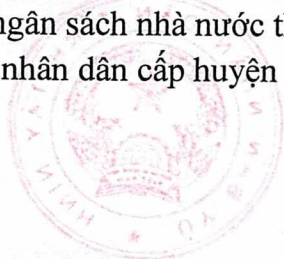
2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị liên quan thực hiện điều tiết, phân bổ nguồn kinh phí thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt hàng năm trên cơ sở nguồn kinh phí thu được từ giá dịch vụ trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố, chi phí để lại cho đơn vị thu tiền dịch vụ và giảm trừ phần ngân sách nhà nước cấp bù thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

3. Cục Thuế tỉnh

Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trong việc sử dụng chứng từ thu; đăng ký, kê khai và nộp các khoản thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện



a) Tổ chức triển khai, hướng dẫn cho các đơn vị được giao dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn quản lý;

b) Tổ chức tuyên truyền nâng cao ý thức của nhân dân trong việc thực hiện nhiệm vụ chung về vệ sinh môi trường, thanh toán đầy đủ tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải theo quy định và tham gia giám sát chất lượng dịch vụ do các đơn vị cung ứng dịch vụ thực hiện trên địa bàn;

c) Có trách nhiệm tổ chức xây dựng giá thu cho dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phù hợp với lộ trình thu hàng năm, đồng thời xác định giá chi tiết cho từng tuyến đường không vượt mức giá tối đa tại Quy định này; xây dựng phương án thu hàng năm và tổ chức thực hiện bảo đảm thu công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật;

d) Tổ chức điểm tập kết rác thải sinh hoạt tại địa phương để bảo đảm phù hợp, hài hòa với tình hình thực tế của từng khu dân cư;

đ) Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn trong quản lý, giám sát việc thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến điểm tập kết rác thải theo quy định; phối hợp các đơn vị thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn quản lý trong việc thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn;

e) Căn cứ mức giá quy định tại Điều 2, Điều 3 Quy định này thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, quản lý việc thực hiện giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt theo địa bàn quản lý, chấn chỉnh kịp thời và có biện pháp xử lý đối với các sai phạm của tổ chức, cá nhân, đơn vị có hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

5. Đơn vị thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt

a) Thực hiện thông báo công khai về đối tượng chi trả tiền dịch vụ, mức giá và các thủ tục thu, nộp tiền dịch vụ theo quy định;

b) Thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt theo đúng hợp đồng đã ký kết, cam kết đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định;

c) Khi thu tiền phải sử dụng biên lai hoặc hóa đơn thu tiền đúng theo quy định và thu đúng theo giá đã niêm yết hoặc thông báo.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, có nội dung cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng